Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8512.10.00

Mã HS	8512.10.00
Mô tả hàng hóa	Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ / - Thiết bị chiếu sáng hoặc tạo tín hiệu trực quan dùng cho xe đạp
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 13:02:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85121000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15222
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15222
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15222
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	16,7	16,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	16,7	16,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	16,7	16,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	22	22%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14526
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14467
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14467
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14467
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14467
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14467
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14467
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E14521
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14521
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14521

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14521
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14521
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14521
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E14522
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F14522
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14522
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14522
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14522
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14522
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14525
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14473
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F14481
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G14481
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H14481
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I14481
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J14481
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K14481
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14512
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14512
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14512
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14512
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14512
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14512
VCFTA	2022	2022	28	VC!D14567
VCFTA	2023	2023	28	VC!E14567
VCFTA	2024	2024	22	VC!F14567

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	22	VC!G14567
VCFTA	2026	2026	22	VC!H14567
VCFTA	2027	2027	22	VC!I14567
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D14544
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E14544
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F14544
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14544
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14544
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14544
AHKFTA	2022	2022	25	AKH!D14544
AHKFTA	2023	2023	25	AKH!E14544
AHKFTA	2024	2024	25	AKH!F14544
AHKFTA	2025	2025	25	AKH!G14544
AHKFTA	2026	2026	25	AKH!H14544
AHKFTA	2027	2027	25	AKH!I14544
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D14559
EVFTA	2023	2023	8,3	EV-NK!E14559
EVFTA	2024	2024	4,1	EV-NK!F14559
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14559
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14559
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14559
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D14558
UKVFTA	2023	2023	8,3	UKV!E14558
UKVFTA	2024	2024	4,1	UKV!F14558
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14558
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14558

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14558
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14551
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14551
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14551
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14551
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14551
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14551
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14551
RCEP A	2022	2022	23,3	RCEPT-A!D14546
RCEP A	2023	2023	21,7	RCEPT-A!E14546
RCEP A	2024	2024	20	RCEPT-A!F14546
RCEP A	2025	2025	18,3	RCEPT-A!G14546
RCEP A	2026	2026	16,7	RCEPT-A!H14546
RCEP A	2027	2027	15	RCEPT-A!I14546
RCEP B	2022	2022	23,3	B!D14546
RCEP B	2023	2023	21,7	B!E14546
RCEP B	2024	2024	20	B!F14546
RCEP B	2025	2025	18,3	B!G14546
RCEP B	2026	2026	16,7	B!H14546
RCEP B	2027	2027	15	B!I14546
RCEP C	2022	2022	25	C!D14546
RCEP C	2023	2023	25	C!E14546
RCEP C	2024	2024	25	C!F14546
RCEP C	2025	2025	25	C!G14546
RCEP C	2026	2026	25	C!H14546
RCEP C	2027	2027	25	C!I14546

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	25	D!D14545
RCEP D	2023	2023	25	D!E14545
RCEP D	2024	2024	25	D!F14545
RCEP D	2025	2025	25	D!G14545
RCEP D	2026	2026	25	D!H14545
RCEP D	2027	2027	25	D!I14545
RCEP E	2022	2022	25	E!D14549
RCEP E	2023	2023	25	E!E14549
RCEP E	2024	2024	25	E!F14549
RCEP E	2025	2025	25	E!G14549
RCEP E	2026	2026	25	E!H14549
RCEP E	2027	2027	25	E!I14549
RCEP F	2022	2022	23,3	F!D14546
RCEP F	2023	2023	21,7	F!E14546
RCEP F	2024	2024	20	F!F14546
RCEP F	2025	2025	18,3	F!G14546
RCEP F	2026	2026	16,7	F!H14546
RCEP F	2027	2027	15	F!I14546
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F13536
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G13536
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H13536
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I13536

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 25%, RCEP (Phụ lục C) 25%, RCEP (Phụ lục D) 25%, RCEP (Phụ lục E) 25%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (25%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 25%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8512.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 8512.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15222), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.